

だい10か さぎょうのじゅんび

第10課 作業の準備

Chuẩn bị công việc

■ 目標 ■

機械の操作手順を理解し、行動できる。

Có thể hiểu trình tự thao tác máy móc để hành động.

指導員に機械の異常を報告できる。

Có thể báo cáo những bất thường của máy móc cho người hướng dẫn.

タイミングを合わせるために、声を掛け合うことができる。

Có thể cùng hô to để thực hiện động tác cùng thời điểm.

作業の準備

Chuẩn bị công việc

■^{かいわ}会話I■

アリフさんは鈴木さんの説明を聞いています。

鈴木 さぎょうを はじめる まえに、でんげきぼうしそうちを かくにんします。
作業を 始める まえに、電撃防止装置を 確認します。

この ボタンを おして。
この ボタンを 押して。

アリフ はい。
はい。

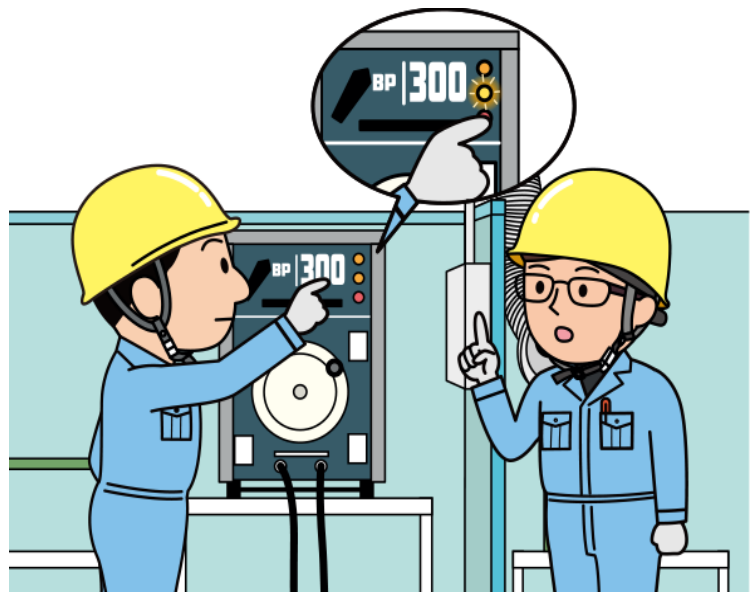
らんぶが つきました。
ランプが つきました。

鈴木 うん。もんだいないね。
うん。問題ないね。

きかいに いじょうが あったら、すぐ ほうこくして。
機械に 異常が あったら、すぐ 報告して。

アリフ はい。
はい。

いじょうが あったら、すずきさんに ほうこくします。
異常が あったら、鈴木さんに 報告します。



作業の準備

Chuẩn bị công việc

■^{かいわ}会話I■

Anh Arif đang nghe anh Suzuki giải thích.

Suzuki Trước khi bắt đầu công việc, phải kiểm tra thiết bị chống điện giật.

Bấm nút này.

Arif Vâng.

Đèn đã sáng.

Suzuki Đúng rồi. Không có vấn đề gì đúng không.

Nếu máy móc có bất thường thì báo cáo ngay nhé.

Arif Vâng.

Nếu có bất thường, tôi sẽ báo cáo với anh Suzuki.

作業の準備

Chuẩn bị công việc

■^{かいわ}会話2■

アリフさんは作業の前に、溶接機を点検しています。

アリフ すずきさん。
鈴木さん。

鈴木 なに？
何？

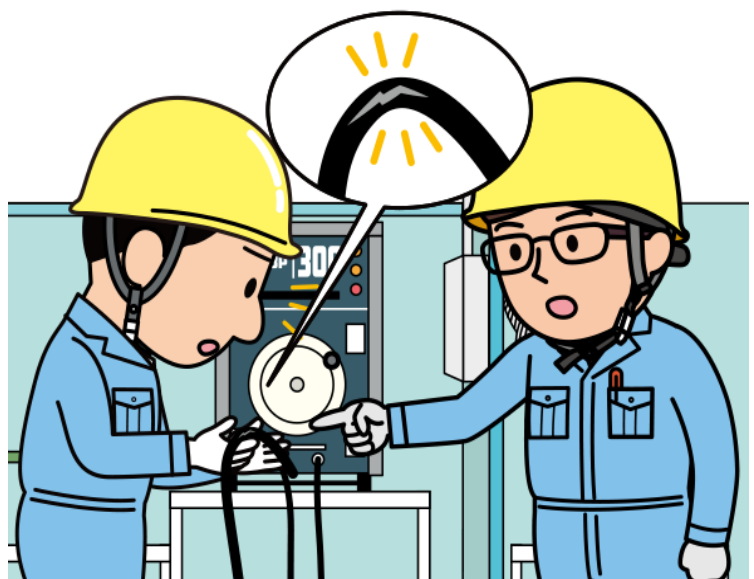
アリフ けーぶるが すこし きれって います。
ケーブルが 少し 切れて います。

ここです。
ここです。

鈴木 ほんとうだ。ひびわれて いるね。
本当だ。ひび割れて いるね。

これは つかわなくて、こうかんしょう。
これは 使わないで、交換しよう。

アリフ わかりました。
わかりました。



作業の準備

Chuẩn bị công việc

■^{かいわ}会話2■

Trước khi làm việc, Arif kiểm tra máy hàn.

Arif Anh Suzuki ơi.

Suzuki Chuyện gì vậy?

Arif Dây cáp hơi bị đứt một chút.

Chỗ này.

Suzuki Đúng rồi. Bị nứt nhỉ.

Đừng dùng cái này, phải thay đi.

Arif Tôi hiểu rồi.

作業の準備

Chuẩn bị công việc

■^{かいわ}会話3■

アリフさんは大きな鋼材を運ぼうとしています。

鈴木 それ、ひとりで はこぶと、あぶないぞ。
それ、一人で 運ぶと、危ないぞ。

いっしょに はこぼう。
一緒に 運ぼう。

アリフ ありがとう ございます。
ありがとう ございます。

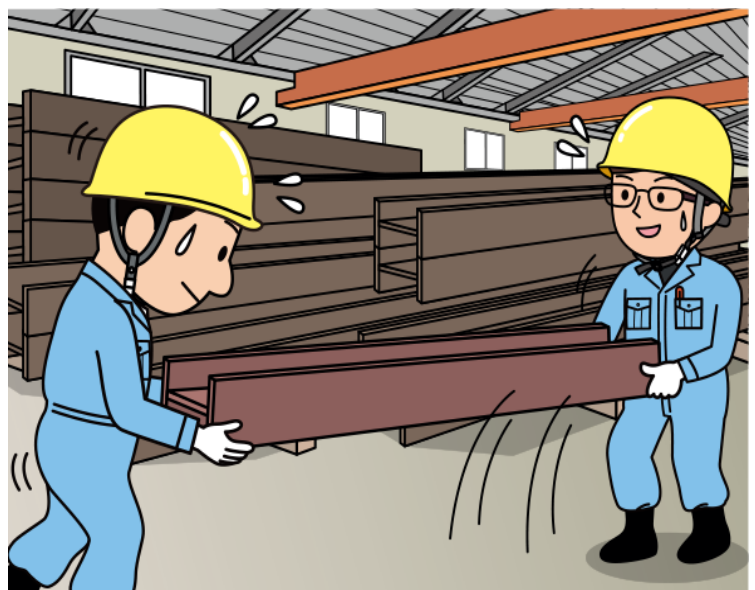
鈴木 そっち、もったか？
そっち、持ったか？

アリフ はい。こっちは だいじょうぶです。
はい。こっちは 大丈夫です。

鈴木 じゃ、あげるぞ。
じゃ、上げるぞ。

アリフ せーのっ！
せーのっ！

鈴木 よいしょ！
よいしょ！



作業の準備

Chuẩn bị công việc

■^{かいわ}会話3■

Anh Arif chuẩn bị khuôn vật liệu thép lớn.

Suzuki Cái đó, nếu khuôn một mình thì nguy hiểm đấy.

Hãy cùng nhau khuôn.

Arif Cảm ơn anh.

Suzuki Em đã giữ bên đó chưa?

Arif Vâng. Bên này ổn ạ.

Suzuki Vậy thì, nhắc lên nhé.

Arif Một hai!

Suzuki Nâng!

作業の準備

Chuẩn bị công việc

■ ことば ■

	ことば	読み
1	作業	さぎょう
2	電撃防止装置	でんげきぼうしそうち
3	確認（する）	かくにん（する）
4	ボタンを押す	ぼたんをおす
5	ランプがつく	らんぷがつく
6	異常	いじょう
7	報告（する）	ほうこく（する）
8	ケーブル	けーぶる
9	ひび割れる	ひびわれる
10	交換（する）	こうかん（する）
11	運ぶ	はこぶ
12	危ない	あぶない
13	上げる	あげる
14	電流	でんりゅう
15	電圧	でんあつ
16	調整（する）	ちようせい（する）
17	ヘルメット	へるめっと
18	防じんマスク	ぼうじんますく
19	朝礼	ちようれい
20	掃除（する）	そうじ（する）
21	壊れる	こわれる
22	ノズル	のずる
23	スパッタ	すばった
24	詰まる	つまる
25	鋼材	こうざい
26	油	あぶら
27		
28		
29		
30		

作業の準備

Chuẩn bị công việc

■ ことば ■

	意味 ^{いみ}
1	Công việc
2	Thiết bị chống điện giật
3	Kiểm tra, xác nhận
4	Bấm nút
5	Đèn sáng
6	Bất thường
7	Báo cáo
8	Dây cáp
9	Rạn nứt
10	Thay
11	Khuôn, khiêng
12	Nguy hiểm
13	Nâng lên
14	Dòng điện
15	Điện áp
16	Điều chỉnh
17	Mũ bảo hộ
18	Mặt nạ chống bụi
19	Hộp buỗi sáng
20	Quét dọn
21	Hỏng
22	Vòi, miệng phun
23	Xi hàn
24	Kẹt
25	Vật liệu thép
26	Dầu
27	
28	
29	
30	

作業の準備

Chuẩn bị công việc

■ 応用練習 ■
おうようれんしゅう

④⑤にあなたが使う文を書きましょう。
つか ぶん か

指導員にチェックしてもらいましょう。
しどういん

★ ～まえに、…

さぎょうを はじめる まえに、でんげきぼうしそうちを かくにんします。

作業を 始める まえに、電撃防止装置を 確認します。

ようせつを する まえに、でんりゅうと でんあつを ちょうせいします。

① 溶接を する まえに、電流と 電圧を 調整します。

へるめつとを かぶる まえに、ぼうじんますくを します。

② ヘルメットを 被る まえに、防じんマスクを します。

ちょうれいの まえに、そうじします。

③ 朝礼の まえに、掃除します。

④

⑤

★ ～て います

けーぶるが すこし きれて います。

ケーブルが 少し 切れて います。

この きかいは こわれて います。

① この 機械は 壊れて います。

のずるに すばったが つまって います。

② ノズルに スパッタが 詰まって います。

こうざいに あぶらが ついて います。

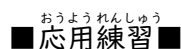
③ 鋼材に 油が ついて います。

④

⑤

作業の準備

Chuẩn bị công việc



Hãy viết câu mà bạn dùng vào (4)(5).

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.

★ ～まえに、…

Trước khi bắt đầu công việc, phải kiểm tra thiết bị chống điện giật.

- ① Trước khi hàn, tôi sẽ điều chỉnh dòng điện và điện áp.
- ② Trước khi đội mũ bảo hộ, tôi sẽ đeo mặt nạ chống bụi.
- ③ Trước khi hợp chào sáng, tôi sẽ quét dọn.
- ④
- ⑤

★ ～て います

Dây cáp hơi bị đứt một chút.

- ① Cái máy này bị hỏng.
- ② Cái vôi bị kẹt xỉ hàn.
- ③ Vật liệu thép có dính dầu.
- ④
- ⑤

わたしの かいわ

モデル^{かいわ}会話を^{さんこう}参考にして、^{かいわ}会話を^か書きましょう。

^{しどういん}指導員にチェックしてもらいましょう。

Hãy tham khảo đoạn hội thoại mẫu và viết hội thoại.

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.